

Bản án số: 133/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 05/11/2020
(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Đỗ Kim Phụng

2/. Bà Phạm Thị Nhâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thái, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 488/2020/TLST-HN ngày 02 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp CM, xã DT, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

2/. Bị đơn: Chị **Lê Cẩm Nh**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp CM, xã DT, huyện DH, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T và chị Nh có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Phạm Văn T và bị đơn chị Lê Cẩm Nh trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị Nh chung sống với nhau vào năm 2007. Mặc dù không có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương, nhưng anh chị chung sống với nhau hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, đến nay anh chị đã có con chung, nhưng vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Thời gian đầu anh chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng sau đó vài năm thì anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh chị thường xuyên cãi nhau và đã ly thân không chung sống với nhau từ khoảng năm 2011 đến nay. Hiện tại cả hai anh chị không thể

hàn gấn được mâu thuẫn, anh T có yêu cầu xin được ly hôn với chị Nh, chị Nh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T.

Về con chung: anh T và chị Nh thống nhất xác định anh chị có 02 người con chung là Phạm Duy H, sinh ngày 13/11/2007 và Phạm Phong Đ, sinh ngày 13/4/2010. Hiện cả hai con đang sống cùng với anh T. Khi ly anh T và chị Nh thống nhất thỏa thuận giao cả hai người con cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: anh T và chị Nh xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ: anh T và chị Nh xác định vợ chồng anh chị không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự là đúng là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: anh T và chị Nh chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Nh.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của hai người con của anh T và chị Nh. Giao cả hai người con tên Phạm Duy H, sinh ngày 13/11/2007 và Phạm Phong Đ, sinh ngày 13/4/2010 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không có yêu cầu, nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Do anh T và chị Nh không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình thì anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh T có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị Nh. Chị Nh có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh T và chị Nh có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị Nh.

[2] Về nội dung vụ án: anh T và chị Nh chung sống với nhau vào khoảng năm 2007, hôn nhân trên tình thân tự nguyện, đến nay anh chị đã có con chung nhưng vẫn chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Quá trình tố tụng thì cả hai anh chị đều có mong muốn được ly hôn với nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc anh T và chị Nh chung sống với nhau như vợ chồng mà không đi đăng ký kết hôn là đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó theo quy định của pháp luật thì hôn nhân giữa anh T và chị Nh không có giá trị pháp lý, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh T xin ly hôn với chị Nh thì Hội đồng xét xử không tuyên giải quyết cho anh T và chị Nh ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Nh là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: sự thỏa thuận của anh T và chị Nh cũng phù hợp với nguyện vọng của hai người con của anh chị, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cả hai người con tên Phạm Duy H, sinh ngày 13/11/2007 và Phạm Phong Đ, sinh ngày 13/4/2010 cho anh T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh T và chị Nh không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nh có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh T và chị Nh không đặt ra yêu cầu, nên nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Phạm Văn T và chị Lê Cẩm Nh là vợ chồng.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Phạm Duy H, sinh ngày 13/11/2007 và Phạm Phong Đ, sinh ngày 13/4/2010 cho anh Phạm Văn T được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Lê Cẩm Nh.

Chị Lê Cẩm Nh có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: anh Phạm Văn T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007891 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Phạm Văn T và chị Lê Cẩm Nh biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
đã ký

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng